| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 375/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X-THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Xuân Luyện

2. Bà Bùi Thị Hảo

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Xiêm – Thư ký Toà án nhân dân quận X, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận X tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận X, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXX-ST ngày 02/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Anh A, sinh năm 1994

Trú tại: Tổ 4, phường M, quận X, Thành phố Hà Nội.

*Bị đơn*: Chị B, sinh năm 1996

HKTT: Tổ 4, phường M, quận X, Thành phố Hà Nội.

( anh A xin vắng mặt. ChịB vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2024 và các lời khai tại Tòa, Anh A trình bầy: Tôi và chị B (10/10/1996) kết hôn ngày 28/8/2019 tại UBND phường E, quận F, thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau, trước đó chưa ai có vợ chồng. Sau khi kết hôn chúng tôi về sinh sống tại tổ 4 phường M, quận X, thành phố Hà Nội. Đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, lối sống. Mặc dù cả hai vợ chồng đã được hai bên gia đình, anh chị em bạn bè giúp đỡ để có thời gian hàn gắn lại tình cảm nhưng không thành, không tìm được Ag nói chung. Công việc của chị B là làm việc online, kinh doanh buôn bán tự do, nên cuối năm 2022 chị B đi làm ăn xa, không về nhà, không thông tin gì về việc làm ăn, sinh sống mà chỉ liên lạc về gia đình qua điện thoại khác nhau. Tôi nhiều lần có hỏi hiện tại chị B đang sinh sống và làm việc ở đâu nhưng chị Thường cố ý né tránh, không nói rõ hiện tại đang ở đâu. Tôi nhận thấy, thực tế đến nay hai vợ chồng không còn đời sống chung, mỗi người một nơi, một công việc,

kinh tế riêng biệt. Vì vậy, tôi xác định không còn tình cảm với chị B và mong muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Tôi và chị B không có con chung

Về tài sản chung: Tôi xác định không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị B có văn bản trình bầy: Tôi và ông A là vợ chồng hợp pháp đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường E, Quận F theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 156 ngày 28/08/2019.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có tài sản chung

Về nợ chung : Không có nợ chung

Người khác nợ vợ chồng: Không có

Yêu câu Toà án giải quyết vấn đề sau đây:

Tôi không đồng ý ly hôn với Ông A. bởi vì Tôi và ông A là vợ chồng hợp pháp đã dăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, Quận F theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 156 ngày 28/08/2019.

Tuy nhiên từ tháng 2/2024 thì tôi phát hiện chồng tôi là ông A đang ngoại tình, sống như vợ chồng với bà C, sinh năm 1995. Sau đó tôi nhiều lần trao đổi và yêu cầu ông A chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật này, tuy nhiên ông A không chịu thay đổi, chấm dứt mối quan hệ ngoài luồng với bà C mà ông A lại thường xuyên nhiều lần gây chuyện, đánh đập tôi, áp đặt, đe dọa và bắt buộc tôi phải ly hôn với ông A để ông A chính thức có mối quan hệ với bà C, nhưng tôi không đồng ý việc làm này của ông A. Hành vi của Ông A đã vi phạm quy định về những hành vi bị nghiêm cấm tại điểm c Khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Có dấu hiệu của hành vi tội vi phạm chế độ một vợ một chồng theo điều 182 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Đồng thời đó là hành vi phạm quy định về kết hôn ly hôn và vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng tại Điều 48 Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24/09/2013 của Chính phủ quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia dình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp hợp tác xã, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 67/2015/NĐ-CP. Do đó, tôi đề nghị quý tòa bác bỏ toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ông A. Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thât, nếu có gì sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa:

Anh A có đơn xin xử vắng mặt nên không có ý kiến.

Chị B vắng mặt lần 2:

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định

của pháp luật từ khi thụ lý đến trước khi có quyết định xét xử. Bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A . Anh A được ly hôn chị B. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN*:*

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng***: Anh A có đơn xin ly hôn chị B gửi tại Tòa án nhân dân quận X. Hiện chị B có hộ khẩu thường trú tại phường M, quận X, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận X. Anh A có đơn xin xử vắng mặt. Chị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh A và chị B theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Anh A xây dựng gia đình với chị B trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết kết hôn tại UBND phường E, quận F, thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/8/2019. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Theo anh A trình bầy vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống. Chị B cho rằng anh A ly hôn là vì anh A có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị B có cung cấp chứng cứ chứng minh anh A có quan hệ với người phụ nữa khác là những tin nhắn chụp màn hình, những bức ảnh có hình anh A chụp chung với người phụ nũ khác. Nhưng những bức ảnh và tin nhắn này không đủ căn cứ để chứng minh anh A vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Tòa án nhiều lần triệu tập chị B đến Tòa án để giải quyết vụ án và hòa giải nhưng chị B không đến Tòa, không có thiện chí về đoàn tụ. Do vậy HĐXX chấp nhận đơn ly hôn của anh A theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh chị không có con chung

Về tài sản chung và nợ : Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị B xác định không có sài sản chung và nợ chung. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5; điển a khoản 6 của điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban B vụ Quốc hội và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên**

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban B vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

**Xử**: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh A

*Về quan hệ hôn nhân*: Anh A sinh năm 1995 được ly hôn với chị B sinh năm 1996

*Về con chung*: Xác định anh A và chị B không có con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

*Về án phí*: Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh A đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự quận X ngày 05 tháng 4 năm 2024 theo LB số 0018627, nay được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành an theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh A và chị B. Báo cho anh A và chị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

***Nơi gửi***:
- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận X;
- THADS quận X;
- UBND phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;
- Lưu TA

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Nga**